

# MA-HA CHỈ QUÁN

## QUYỂN 6 (Phân Cuối)

Lại nữa, bốn phương thuốc của thần nông dùng trị người đời sau, chưa hẳn đều lợi ích, Hoa, Biển Thước khi quán quán thuốc lại lập ra phương pháp. Vì sao? Vì như đất thì có nam bắc, người thì có yếu mạnh, thức ăn thì có mặn nhạt, thuốc thì có đậm nhạt, bệnh có nặng nhẹ, y bốn phương mà trị thì không thể có hiệu quả lợi ích, tùy thời chế lập vẫn được lành bệnh. Đức Phật mới xuất hiện ở thế gian, căn cơ chúng sinh thuần thực, hợp cơ nói pháp không ai là không được ngộ, đời sau thối nhuần, tình hoặc chuyển khác, thẳng dùng kinh Phật đối với kia không lợi ích. Bồ-tát quán căn cơ, thông kinh soạn luận, giúp cho chúng sinh được ngộ, chỉ giác ngộ làm lợi ích cho kia đó là chánh ý nhập giả, đâu thể ôm giữ thói cũ đối với sự hóa đạo. Thích luận chép: Y theo kinh pháp rộng lập danh từ mà làm nghĩa gọi là pháp thí, Bồ-tát vì tu tuệ như vậy nên thệ nguyện đại bi, siêng năng tinh tấn, gồm tu Chỉ Quán, được các Đức Phật dùng thần lực che chở, hoát nhiên sáng suốt, đối với trí nhập giả được tự tại.

1. Tùy bệnh cho thuốc: Đã biết bệnh khổ tập, lại biết thuốc diệt đạo. Nếu chúng sinh không vượt khỏi căn cơ thế gian, căn tánh yếu đuối không thể chịu đựng sự giáo hóa sâu xa ấy nên chỉ thọ nhận thuốc thế gian, như Khổng Khứ Cơ còn đặt ra quân thần định phụ tử, cho nên kính trên thương dưới, đại trị thế gian, lễ luật tiết độ tôn ti có thứ lớp, đây là giúp cho giới. Do lạc điều hòa, tâm chuyển đổi phong tục, đây là giúp cho định. Yếu đạo của tiên vương chí đức, đây là giúp cho tuệ. Vào thời nguyên xưa hỗn độn, chưa hợp với xuất thế, tiêu biểu bên ngoài căn tánh không cảm với Phật, ta bỏ xót chân sa hóa, đạo của Tam Thánh, lễ nghĩa trước khai mở kinh Đại thừa, Tiểu thừa, sau mới đáng tin. Chân đan đã như vậy, mười phương cũng như vậy, cho nên trước trao cho pháp thế gian v.v... Lại trao cho thuốc xuất thế: Chúng sinh do mười thứ nhân duyên tạo thành căn tánh khác nhau là do khác bệnh, tùy căn

bệnh kia nên cho thuốc cũng có khác, đó là hạ, trung, thượng, thượng thượng. Hạ căn có bốn nghĩa: 1) Chí ưa thích sự hẹp hòi thấp kém. 2) Hạnh lực yếu đuối. 3) Chướng năm trước nặng. 4) Trí tuệ chậm lụt. Ưa thích pháp Tiểu thừa, cho nên nói pháp sinh diệt, hạnh lực yếu đuối tu sự sáu Độ, chướng năm trước nặng, cần khổ để đối trị, trí tuệ chậm lụt cho nên dứt bỏ dâm nộ si, gọi là giải thoát, đó gọi là trao thuốc pháp do nhân duyên sinh để trị bệnh hạ căn. Tuy là hạ căn mà sự vui mừng khác nhau, các bậc Thánh soạn luận lại khai làm bốn: Nếu thích nghe Hữu thì nói A-tỳ-đàm sinh điều lành nhỏ, phá năm trước kia, nhờ phương tiện này mà thấy rõ chân đế. Thích nghe Vô thì nói luận Thành Thật sinh điều lành nhỏ, phá ác nhập chân. Nếu thích nghe chẳng phải hữu, chẳng phải vô thì nói lia hữu vô, trải qua sinh thiện phá ác nhập chân, đó gọi là Bồ-tát Nhập giả soạn bốn bộ luận nói về bốn môn, trao bốn thứ thuốc trị các thứ bệnh v.v... Kế đến là người trung căn trao thuốc: Người này tâm chí hơi mạnh, hạnh lực hơi tốt, nên sinh lý thiện, chướng năm trước nhẹ, trí tuệ hơi bén nhạy, còn sự dục lạc kia nói cho nghe nhân duyên tức không, nghe sinh lý thiện, phá bỏ nhân ác, thấy Đệ nhất nghĩa, đó gọi là trao, tức thuốc Không trị người trung căn, đây lại chia làm bốn: Hạ, trung, thượng, thượng thượng, tức là bốn môn nhập vào ao sen, lệ như trước v.v... Kế là quán người thượng căn mà trao thuốc. Tâm dục lạc rộng, gốc lành khai rộng, năm trước đã dứt trí tuệ lại phát sinh, trao vô lượng Tứ đế, sinh điều lành giới ngoại, dần dần dứt năm trụ, được nhập Trung đạo, đó gọi là trao thuốc tức giả trị người thượng căn. Y cứ theo đây lại chia làm bốn, tức là bốn môn trao thuốc, lệ theo trên có thể biết. Kế đến quán bậc thượng thượng căn để trao thuốc. Người này dục lạc cho đến trí tuệ đều không ai sánh bằng, cho nên gọi thượng thượng, vì như lý nói thẳng điều lành sinh như hư không, chướng diệt như hư không, vào đạo rốt ráo, đó gọi là trao thuốc tức trung trị người thượng thượng căn. Cũng có bốn môn trao thuốc trị bệnh v.v... Nếu nhập không quán thì một pháp còn không có, làm sao có các pháp, nay trao mười sáu thứ đạo diệt để trị mười sáu thứ khổ tập, chính là nhập Giả. Tùy loại âm thanh vi diệu kia mà khắp bảo, phát nhĩ thức kia, chuyển độ vào tâm, khiến được hành trì, đều được lợi ích, nếu có một vầng mây mưa thì các loài cỏ cây đều được sinh lớn lên.

2. Nói về nhập giả vị: 1) Trước trải qua phán giáo vị. 2) Nói về lợi ích. 3) Tổng kết phá pháp biến.

Ý người đều nói: Trước trừ kiến giả, sau bỏ tư duy, quả nhập không còn xa xôi, xuất giả hóa vật mình chẳng thể làm được, hy vọng tự

dứt, nay sẽ phân biệt giả vị khác nhau. Hàng Tam thừa ban đầu không ngu đối với pháp, đều muốn cầu Phật, nhằm chán sinh tử, thường hay lui sụt, thí như có người nghe nơi khác có núi bảy báu, mà ngăn tâm buộc chân, hoặc nghĩ rằng đường xá nguy hiểm, liền thoái lui không bước tới trước, hành nhân cũng vậy, lo sợ sinh tử thoái lui chìm trong Không, về sau nghe công đức thù thắng nhiệm mầu của Bồ-tát, tự suy nghĩ làm bại hoại dòng giống, khóc than động đến Đại thiên. Không đợi sở nhân mà tâm lo lắng hối hận, nếu nương nghĩa này chỉ có nhập không bèn không nhập giả sự. Hoặc Bồ-tát Tam tạng ban đầu tu không, hàng phục phiền não mà không dứt kết, nếu dứt kết thì không có công đức sáu Độ để nuôi dưỡng thân, gọi là địa vị sơ A-tăng-chi, mở hai tầng-chi phiền não tiêu, công đức chuyển béo phì, ba tầng-chi chánh nhập giả vị, làm lợi ích chúng sinh, đây là hàng hạ căn. Người trung căn hai tầng-chi đã hàng phục phiền não, nuôi béo thân sáu Độ thì có thể giáo hóa chúng sinh đâu đợi đến ba tầng-chi ư? Hạng thượng căn khi mới phát tâm vì muốn độ tất cả chúng sinh nên thệ cầu thành Phật, nhân nghe người khác nói tâm đã sáng suốt hiểu rõ chân lý, vì muốn độ người khác cho nên không cầu đoạn chứng, tâm lại bị một phen chuyển biến rằng ta nên độ người, không nên không độ, phải cần phân biệt tất cả thuốc và bệnh. Vì sao? Vì năm việc là trọng, như người dẫn đứa bé băng qua đoạn đường nguy hiểm, tự mình được an ổn, đâu được bỏ đứa bé, tuy tự biết không mà chẳng chịu bỏ, đó là sơ tâm, tức có thể nhập giả, không đợi đến hai tầng-chi. Thông giáo vị: Người thường chấp kinh nói rằng: Bát địa tu xuất giả, hoặc Lục địa, Thất địa dứt kết, ngang bằng với La-hán, mới tu xuất giả, thuyết một đường này ắt không hoàn toàn như vậy, chỉ có Đức Phật vì ba căn cơ mà phân biệt. Hạ căn dứt hoặc hết mới có thể xuất giả. Đức Phật trong kinh Pháp Hoa phá tâm chấp Niết-bàn kia, khuyên phát tâm vô thượng đạo khởi phương tiện tuệ, hàng Nhị thừa đã như vậy, hàng Bồ-tát độn căn cũng nên nói đồng như đây, nay xếp hạng này vào hạ căn. Trung căn dứt kiến hoặc rồi, bớt phần sinh tử, tư niệm vận dứt trừ, đạt đến địa thứ hai gọi là Bồ-tát thân thông, từ đây trở đi thì có thể nhập giả. Hàng thượng căn sơ tâm nghe tuệ thì có thể thấu đạt kiến tư hoặc tức không, mình vì chúng sinh làm nơi y chỉ, đâu cần đến Thất địa mới xuất giả ư? Nếu là Thất địa thì trong Đại phẩm quả trách rằng có con chim lớn thân dài ba trăm do-tuần mà không có hai cánh từ trên trời rơi xuống, hoặc chết, hoặc khổ giống như chết, Bồ-tát cũng giống như vậy, từ đầu một bề chuyên tu nơi không, đến Lục địa đó gọi là thân tam không mập, giả cánh bất sinh, nếu rơi vào hàng Nhị thừa phương

tiền đạo gọi là khổ đồng với chết, nếu rơi vào Sơ quả gọi là chết, nếu kiến hết là chết v.v... Hoặc Vô học gọi là chết, chim ấy muốn về lại cõi trời có thể được không? Rơi vào địa vị vô học muốn phát tâm Bồ-đề thì không bao giờ được, như người bị thối thì không thể hành năm dục, Đại Phẩm trong kinh Hoa Nghiêm không thể trị, chỉ có Pháp Hoa có thể khiến cho hàng Vô học lại sinh gốc lành được thành Phật đạo, do đó nên gọi là Diệu. Lại nữa, hàng Xiển-đề có tâm còn có thể thành Phật, hàng Nhị thừa diệt trí tâm không thể sinh, Pháp Hoa có thể trị nên còn gọi là diệu v.v... Hàng Biệt giáo sau Thập trụ tâm, địa vị Thập hạnh tu giả phương tiện. Vì sao? Vì nhập lý Bát-nhã gọi là trụ, trụ sinh công đức gọi là hạnh, thuộc về hạ căn. Sơ tâm của Thập trụ thì có thể nhập giả rồi chứng đắc vô lậu, một phen được không lui sụt thì có thể xuất dụng, đâu cần đến Thập hạnh mới khởi đại bi, thuộc về trung căn. Lại hàng Sơ tâm của Biệt giáo không ngu đối với pháp, thấu đạt tất cả công đức giống như huyền hóa, đối với tên gọi không dính mắc mà tu phương tiện, có đủ năm nhân duyên để làm lợi ích chúng sinh, thuộc về thượng căn. Thập tín của Viên giáo khi sáu căn thanh tịnh thì thấy nghe khắp mọi việc trong mười pháp giới, nếu là nhập không thì một vật còn chẳng có, đã nói sáu căn dùng lẫn nhau tức là nhập giả vị. Lại năm phẩm đệ tử chánh hành sáu Độ có thể nói pháp rộng rãi, tức là giai vị nhập giả, đâu cần lợi sáu căn thanh tịnh. Lại nữa, hàng sơ tâm có thể biết tạng bí mật của Như Lai, viên quán ba đế còn có thể tức trung, há không phải tức giả. Đại Phẩm chép: Mới ngồi đạo tràng liền thành Chánh giác, quay chuyển pháp luân độ chúng sinh. Lại sáu tức, liệu giả thì có nghĩa là xuất giả, đâu cần đợi đến năm phẩm ư? Từ trước đến nay các giáo đều có ba vị, nếu nhất định phân chia thì nên chọn hạ căn, để nói về giai vị thì có hai nghĩa: 1) Nương giáo. 2) Quyết không lui sụt nhập giả hạnh thành. Trung căn, thượng căn vừa có tiến thối, cho nên không y cứ vào đó để nói về giai vị, đã có ba căn xuất giả, lệ theo ba căn lẽ ra nên nhập không, nghĩa là tình nhập, tự nhập và chân nhập. Tình nhập: Xúc chạm vào người có thể nhập chẳng gọi là tán tình, quán duyên để trước khi tự chân thì tương ứng với không pháp trần, như vậy đâu có ích gì! Hữu tình này có ích, nếu có ích thì không thoái lui, không đều thoái lui, dù thoái lui có thể nhớ nghĩ thường tu, về sau có lợi ích lớn.

Hỏi: Hàng thượng căn của Thông giáo, Biệt giáo có khả năng nhập không xuất giả, đâu có khác Viên giáo? Đáp: Hàng Thông giáo xuất nhập không thể tức trung, hàng Biệt giáo theo thứ lớp xuất nhập không thể nhất tâm, hàng Viên giáo nhất tâm xuất nhập cũng có thể

biệt xuất nhập, nghĩa là nhiều nhập trung, ít nhập nhị, nhiều nhập nhị, ít nhập trung, nhiều nhập không trung, ít nhập giả, nhiều nhập giả, ít nhập không trung, nhiều nhập giả trung, ít nhập không, nhiều nhập không, ít nhập giả trung. Tuy biệt thêm bớt mà ba đế không thiếu sót, nếu vậy thì chẳng phải theo thứ lớp riêng, mà còn có thể là hơn biệt, huống chi không thể là kém hơn ư!

2 Nói về nhập giả lợi ích: Hàng Bồ-tát vốn chẳng quý không mà tu không, vốn vì chúng sinh nên tu không, không quý không cho nên không trụ, vì lợi ích chúng sinh nên phải xuất, cho nên có từ chân mà sinh khởi, ứng với Pháp nhãn, xứng hợp căn cơ, đáng dùng thân Phật được độ, thì làm thân Phật nói pháp cho thuốc, đáng dùng thân Bồ-tát Nhị thừa, tám bộ trời rồng được độ, thì làm các thân ấy nói pháp cho họ nghe, thành tựu chúng sinh, thanh tịnh cõi Phật, mới gọi là lợi ích. Bồ-tát Tam tạng là xuất giả hữu lậu thân thông nhưng chẳng chân thật khởi ứng, thế trí phân biệt chẳng phải Pháp nhãn sáng suốt, tuy lợi ích chúng sinh mà chẳng thành tựu, tuy làm Phật sự mà chẳng thanh tịnh cõi Phật, chỉ là ít phần giáo hóa, làm lợi ích rất rõ thấu triệt v.v... Nếu Thông giáo nhập giả tuy phân biệt thuốc bệnh chỉ nương nhị đế, xem bệnh không kỹ lưỡng, biết thuốc không rõ ràng chắc chắn, chỉ là tác ý thân thông chẳng chân thật khởi ứng, ứng có thì chung vì làm cha mẹ, thầy tổ, đời đời kết duyên, hàng phục mọi nơi, trải qua vô lượng a-tăng-kỳ kiếp, nếu gốc lành thuận thực liền sinh vào cung vua, chứng quả dưới gốc cây, độ tất cả chúng sinh tiêm đốn, cho đến nhập Niết-bàn, xá-lợi trụ thế lợi ích lâu dài cho chúng sinh. Có thì có chung mới gọi là ứng, không mà tự đứng có, tạm thời xuất hiện rồi lại chìm mất, cho nên chẳng phải chân ứng. Một thời được chút ít lợi ích không gọi là thành tựu, thành tro bụi nhập diệt chẳng phải cõi Phật thanh tịnh. Thập hạnh của Biệt giáo nhập giả lợi ích nghĩa đồng với Thông giáo. Nếu đăng địa thì được một thân, vô lượng thân Như Lai vắng lặng ứng khắp tất cả, bấy giờ biết bệnh và nguyên nhân bệnh, bấy giờ biết thuốc, thuốc trị phủ tạng, bấy giờ trao thuốc như dấu ấn không sai, trí đạo chủng chân thật, Pháp nhãn tối thắng có thể ứng hóa, nhậm vận cùng khắp, ý đầu kết duyên, hòa quang đồng trần, tám tướng thành đạo để nói về kết thúc, cũng gọi là hóa, cũng gọi là ứng, người thấy nghe đều được lợi ích, tất cả việc làm đều vì thanh tịnh cõi nước Phật. Nhập giả lợi ích đều chân thật không lường dối, đăng địa đã như vậy, địa cuối cùng cũng lệ theo đó, cho đến Viên giáo Sơ trụ nhập giả chân thật lợi ích, cho đến tâm sau cùng cũng giống như vậy. Nếu hiểu được ý này liệu giản biến hóa sẽ hiểu được

chân ngộ. Vì sao? Vì ma cũng có thể dùng tâm hữu lậu biến ra thân vô lậu, biến thành tượng Phật. Lão Tử đi về phương Tây cũng nói thành Phật giáo hóa dân chúng người Hồ, các ngoại đạo v.v... biến thành dê đứng bên bờ sông đó thôi! Thế trí, năm thông không điều gì không làm được, tà ngoại biến hóa như vậy vô lượng vô biên, còn chẳng phải Tam tạng năm thông biến hóa, tại sao được gọi là Biệt, Viên, nhập vận chân thật biến hóa. Hóa nhiều thứ tiếng, người không có mắt lăm sinh tin nhận, có thể quán sát sâu xa không thể hòa theo, cho nên biết từ giai vị Pháp thân ứng khắp mười cõi, độ thoát chúng sinh, như thế nhập giả vị lợi ích chân thật.

3. Tổng kết phá pháp biến: Khi chưa phát chân thì trăm ngàn muôn thứ chấp trước đều gọi là kiến, như người mù hỏi về sữa mà chẳng biết được, màu sắc chân thật của sữa, hoặc dây hoặc chày đầu có quan hệ đến voi. Như nói kiến kiến tức là giả, cho nên lần lượt dùng đơn, phúc, cụ tức để quán phá, phá nếu không cùng khắp thì không được nhập không, nếu kiến tư hoặc hết mới gọi là phá pháp biến, y cứ vào văn tự mà nói mới biết như thế, ý thì không phải như thế. Hoặc kiến, tư tức là vô minh, vô minh tức là pháp tánh, phá hoặc kiến tư tức là phá vô minh, phá vô minh tức là thấy pháp tánh, nhập thật tướng không mới gọi là phá pháp biến. Từ không nhập giả phá pháp biến cũng giống như vậy. Nếu có vô lượng pháp bệnh, thuốc pháp, trao thuốc pháp, phân biệt ba thứ này có chỗ không thông đạt nên không gọi phá pháp biến. Khi chưa phát sinh Pháp nhãn tuy có phân biệt, có phân chỗ thấy nhưng không gọi là phá biến, khi sáu căn thanh tịnh phân biệt một bệnh có bao nhiêu thứ, hiểu một câu pháp thấu đạt vô lượng câu, các Đức Phật mười phương nói pháp cùng một lúc thọ trì đó gọi là tương tự khí phần, chướng thông vô tri đã phá, cả hai soi chiếu nhị đế, mới gọi phá pháp biến. Nói tóm lại, thứ lớp phá thì không gọi là biến, không thứ lớp phá mới gọi là biến. Trước lập pháp quán đã nhiều, sợ người mê cho nên sau khi y cứ vào hai quán thì tổng phá pháp biến.

3. Nói về Trung đạo Chỉ Quán pháp biến: Trước nói sinh bất sinh Chỉ Quán phá pháp biến, một phen dường như tự hành, kế là bất sinh sinh Chỉ Quán phá pháp biến, một phen dường như hóa tha, nay bất sinh bất sinh Chỉ Quán phá pháp biến, một phen dường như chẳng phải tự tha, lại soi chiếu cả hai tự tha. Sinh bất sinh tức bất sinh sinh, cũng tức bất sinh bất sinh, tự tức bất tự, cũng phi tự phi bất tự, bất sinh sinh tức sinh bất sinh, cũng là bất sinh bất sinh, tha tức phi tha, cũng phi tha phi bất tha, bất sinh bất sinh tức sinh bất sinh cũng là bất sinh sinh, cũng

là bất song phi cũng là bất song chiếu, các thứ phân biệt khiến dễ hiểu cho nên nói như trước. Y cứ vào đây chia làm bốn: 1) Tu Trung quán ý. 2) Tu Trung quán duyên. 3) Chánh tu Trung quán. 4) Nói về lợi ích của giai vị.

1. Tu Trung quán ý: Bồ-tát Tam tạng riêng dùng trí thế gian chiếu soi tục, hàng Nhị thừa riêng dùng phân tích giả nhập chân, Phật nhị đế đủ khắp khác với đệ tử, giả lập quán thứ ba, dù lập thuyết lia hữu lia vô, chỉ là lia hai kiến hữu vô, thật không có lý khác để quán, cho nên không cần quán thứ ba. Thông giáo, Nhị thừa thiên lệch dùng thể pháp nhập chân, Bồ-tát từ bi nhập giả, chỉ có Phật đều chiếu soi, đạo quán đều trôi chảy khác với đệ tử. Cũng giả lập quán thứ ba, cũng không có lý riêng, khác với chân đế, bỏ chỗ khéo chấp, quả Phật không vượt ngoài hai đế, tức là nghĩa này. Tuy không có lý riêng mà có được chân, như huyễn như hóa, bất sinh bất diệt, gọi là Trung đạo. Cũng được có nghĩa Trung đạo: Phật đầy đủ tự môn thông thông, thông biệt, hạng độn căn chỉ có thể thông thông, không thể thông biệt, cho nên giáo này có nghĩa biệt tiếp, hạng lợi căn bị tiếp lại dùng Trung đạo không bị tiếp, không cần quán thứ ba, nghĩa biệt tiếp như trong hiển thể nói v.v... Nếu Biệt giáo thực hành nhị đế, tam đế đều vốn biết rõ Trung đạo, nếu thực hành tam đế thì có thể hiểu. Nếu thực hành nhị đế thì: Trung đạo là chân, hữu vô là tục, chiếu soi nhị đế này từ bao gồm trung nên gọi Trung đạo, cả hai đều dụng không thiên chấp gọi là song chiếu, tuy có hai tên nhưng lý Trung cũng hiển bày, lý này sâu xa mâu nhiệm, kẻ độn căn chướng nặng như mắt mù tối tăm mà xỏ kim không hiểu rõ được. Thế nào là xỏ kim? Vì theo thường lý thì trước phá chấp tướng tuệ nhãn kiến không. Kế đến phá vô tri, Pháp nhãn kiến giả, tiến tu Trung đạo, phá được một phần vô minh, khai một phần Phật nhãn, thấy một phần trung, mới là chân nhân, nhân quả viên mãn, mới gọi là Phật. Nhị đế đến chẳng phải chánh lý cho nên không gọi là nhân, chẳng hạn như Tiểu thừa phương tiện hàng phục hoặc, không thấy chân không gọi là tu đạo, sau khi phát sinh kiến đế, đầy đủ chân tu đạo mới gọi là chân nhân, vô học là chân quả, Biệt giáo cũng lệ theo đây. Nhị quán đã là phương tiện thì cần phải trung, chủ yếu cần dụng hai quán trước, nếu hai quán chưa phân biệt cũng không rảnh tu quán thứ ba. Viên giáo mới biết Trung đạo cũng trước phá hai hoặc, nếu quá độ thì nắm bắt có khác. Vì sao? Vì riêng trừ hai hoặc, trải qua ba mươi tâm, trải qua nhiều kiếp số, sau đó mới phá được vô minh. Viên giáo không phải như vậy, đối với thân liền phá hai hoặc, liền nhập Trung đạo, trong một thời có thể làm xong.

Thí như giặc cướp có ba hạng: Hạng thứ nhất thì đồ binh khí cùn, thân thể sức lực yếu đuối, trí tuệ mưu trước kém cỏi, trước phá hai lớp rồi lại chính đốn người, vật sau mới phá lớp thứ ba, do đó chậm chạp ngày qua tháng lại. Có hạng người thứ hai thân thể mạnh khỏe, binh khí sắc bén, quyền lực nhiều mạnh, chỉ trong một ngày liền phá được ba lớp không đợi thời tiết, lấy đây ví dụ thì nghĩa kia có thể biết. Lại như hai thứ sắt: 1) Qua nhiều phen tôi luyện mới có công dụng sắc bén. 2) Ngọc cũ liền đem đốt thì sắc bén, là nghĩa ấy. Sơ tâm của Viên giáo liền tu ba quán không đợi hai quán mà thành, do nghĩa này cho nên phải nói pháp quán thứ ba.

2. Nhân duyên tu Trung quán, lược có năm thứ: a) Lòng từ bi vô duyên. b) Đầy đủ thế nguyện rộng lớn. c) Cầu trí tuệ Phật. d) Học đại phương tiện. e) Tu bền chặt tinh tấn.

a) Lòng từ bi vô duyên: Tức lòng từ bi của Như Lai. Lòng từ bi này đồng thể với thật tướng, không chấp tướng chúng sinh cho nên chẳng ái kiến, không chấp tướng Niết-bàn cho nên chẳng vắng lặng, không tịch, chẳng vắng lặng cho nên chẳng phải pháp duyên từ bi, chẳng phải ái kiến cho nên chẳng phải duyên chúng sinh, không có tướng hai bên cho nên gọi là vô duyên. Đại kinh chép: Duyên Như Lai gọi là vô duyên, che trùm khắp thế giới, nhổ trừ gốc khổ, ban vui rốt ráo. Hai thứ quán trên tiêu biểu cho từ bi hữu biên. Lòng Từ bi của Như Lai không có hạn lượng, hai thứ quán từ trên đồng với Bồ-tát. Lòng từ bi vô duyên chỉ Đức Như Lai mới có, hai thứ quán từ trên không gì chẳng bao dung. Lòng từ bi của Như Lai đầy đủ tất cả Phật pháp, mười Lực vô úy, đó gọi là Như Lai tạng, các pháp đều như biển. Cho nên Đại kinh chép: Từ hoặc hữu, hoặc vô, chẳng phải hữu, chẳng phải vô, từ ấy mới là cảnh giới của chư Phật Như Lai, phải biết từ có đủ ba đế. Ngài Ca-diếp khen ngợi rằng: Nay ta muốn dùng một pháp khen ngợi, có chỗ nói từ tâm đạo khắp thế gian, từ ấy tức là chứa nhóm đại pháp, từ ấy tức là chân giải thoát, giải thoát tức là đại Niết-bàn, lòng từ trên tác ý mới thành, từ này nhậm vận không mời mà làm cho nường tựa, tay thoát ra khỏi sự tử khiến kia điều phục, như từ thạch hút sắt, vô tâm mà chấp. Xét rằng sắt là chướng bên ngoài, đá không thể hút được, tâm tánh chúng sinh tức vô duyên từ, vô minh chướng ngăn không thể nhậm vận hút lấy tất cả, nay muốn phá chướng vô minh, hiển bày từ thạch của Phật, nhậm vận hút lấy vô lượng Phật pháp, vô lượng chúng sinh. Muốn tu từ này chẳng phải Trung đạo quán thì ai có thể khai mở, như nước sinh lửa, nước không thể diệt, lại dùng lửa diệt, chướng vô minh này nường hai quán mà sinh, hai quán



không thể dứt trừ chỉ có Trung đạo quán mới phá được, đó gọi là nhân duyên tu quán thứ ba.

b) Đầy đủ thệ nguyện rộng lớn: Mới phát tâm thì khởi bốn thệ nguyện rộng lớn, đồng với hư không. Không quán, giả quán, biết khổ dứt tập, cũng như cành lá, chưa biết dứt bỏ, dụ như cội gốc, không quán, giả quán tu đạo chứng diệt cũng giống như đèn đuốc, không đủ sức sáng soi khắp núi hoang, tuy tu hai quán mà thệ nguyện chưa đủ, thí như trăm sông không thể làm tràn biển. Như long vương Ta-già-la mưa dầm, một phen mưa dầm thì đầy ao hồ, khe suối, Trung đạo chánh quán cũng giống như vậy, biết tất cả khổ, đoạn tập pháp giới, tu đạo vô thượng, chứng diệt rốt ráo, thực hành đủ bốn nguyện cho nên phải tu quán thứ ba.

c) Cầu trí tuệ Phật: Tức là nhất thiết chủng trí của Như Lai, Phật nhãn thấy rộng lớn, sâu xa ngang dọc, hoàn toàn rốt ráo đầy đủ. Hai quán trên là mắt trí tuệ sánh với Phật pháp, như người mù trong nhà tối muốn vẽ đều không thấy đường, rơi xuống hầm hố làm sao đi về phía trước được, nếu tu Trung đạo như có mắt chân đi đến ao trong mát, trừ được nóng nảy buồn bực hai bên, tỉnh giấc mới thôi, uống nước thơm ngọt mát kia, đó gọi là Phật trí tri. Thấy ao kia hình dáng vuông tròn, sâu cạn, màu sắc trong sạch của nước đó gọi là Phật nhãn kiến, muốn được nhãn kiến thật tướng của Như Lai mà không tu Chỉ Quán thì không thành, cho nên tu pháp quán thứ ba.

d) Học đại phương tiện: Tức là Như Lai không có mưu cầu quyền xảo khéo léo, đại dụng vô phương, trụ trong Thủ-lăng-nghiêm, thị hiện các thứ năng lực phương tiện khéo léo không thể suy nghĩ bàn luận, thị hiện các chúng sinh như gió trong hư không, vào kiếp thiêu gánh mang cỏ khô không bị cháy hại, đây là việc khó cho nên phải khéo léo. Như Đức Đi-lặc đời trước làm vị thiên tử nói hạnh không lui sụt, ngài Tịnh Danh chê trách rằng: Từ như thế sinh được Bồ-đề ư? v.v... Không Bồ-đề chớ khởi kiến này, đã phá kiến rồi liền nói vắng lặng là Bồ-đề, không hai là Bồ-đề, tất cả chúng sinh tức là Bồ-đề v.v... Thiên tử nghe điều mâu nhiệm liền ngộ Vô sinh pháp nhẫn, đây là hai vị đại sĩ gõ vào chày đá khiến người đời khó ngộ mà ngộ được pháp khó ngộ, nếu không có phương tiện thì làm sao lợi tha được, lại nữa khi Đức Như Lai mới ra đời không nói Đại thừa ngay mà dùng các thứ phương tiện thí dụ ngôn ngữ lời lẽ dẫn dắt chúng sinh, giúp họ xa lìa các sự chấp, sau đó mới khai mở tri kiến Phật, dùng Nhất thừa chỉ bảo, vì vậy cho nên ân cần khen ngợi phương tiện, chân thật được hiển bày, công lao do khéo léo quyền xảo,

cho nên nói tuy nói các thứ đạo, kỳ thật vì Nhất thừa, lại dùng phương tiện khác trợ giúp hiển bày Đệ nhất nghĩa, Phật trí không thể suy nghĩ bàn luận phương tiện tùy nghi nói, ý Phật khó thể so lường, không thể hiểu được, cho nên dùng trăm ngàn phương tiện khiến cho các chúng sinh độn căn khéo léo khéo hợp trong ý bao la đó. Hai quán trên trí lực nhẹ yếu, như Phú-lâu-na hóa độ ngoại đạo kia, lại bị kiến chấp ngốc vụng dại, ngài Văn-thù tam đến, thầy trò chẳng phải gió, muốn được phương tiện này của Như Lai, nếu chẳng phải Trung quán thì không thể thành, cho nên tu quán thứ ba.

e) Đại tinh tấn: Muốn thực hành công phu có Đại sự đại dụng, kinh Pháp Hoa chép: Như có người mạnh khỏe có thể làm được việc khó mà không lay động, không lui sụt, mới gọi là Tát-đỏa, không mền tiếc thân mạng, huống chi tài vật, tuy đắc Bồ-đề mà còn không dừng nghỉ, huống chi chưa đắc. Hai quán trên công nhỏ mà thưởng ít, Trung quán công bao trùm cả thiên hạ, thưởng cùng tận như cởi mở búi tóc, vì đại tinh tấn tu pháp quán thứ ba, nhân duyên tu Trung đạo rất nhiều, vì đối với xuất giả quán nên lược nói năm thứ.

3. Chánh tu Trung quán: Quán này chính là phá vô minh, vô minh cách xa, mắt phàm chẳng thể thấy biết được, làm sao có thể quán? Chẳng hạn như sơ quán quán chân, chân không có sắc tượng cũng không có nơi chốn, chỉ quán ấm giới nhập tâm mê hoặc ba giả, suy tìm bốn câu, khéo tu Chỉ Quán, được vô lậu phát sinh, gọi là kiến chân. Kế đến là quán quán giả, giả lại như thế nào! Chỉ Quán không trí có thể khiến bất không, đối với nhất tâm chỉ thị muôn hạnh, liền phát sinh Pháp nhãn, biết tất cả loại thuốc trị bệnh nên gọi là giả quán, nay quán vô minh cũng giống như vậy. Quán hai quán trí thích hợp với kia phá hoặc gọi là trí, nay mong trí Trung đạo trở lại thành mê hoặc, hoặc này làm chướng ngại trí Trung đạo cho nên nói trí chướng, lại trí chướng này đối với trung trí thì trung trí không phát cho nên gọi là trí chướng. Trước nói trí năng chướng, sau nói trí bị chướng, chẳng hạn như sáu mươi hai kiến, kiến gọi là tánh của tuệ, tuệ tức là trí thế gian. Nếu mong vô lậu thì tánh của tuệ này và kiến tư hoặc hợp có thể làm chướng ngại chân. Hai đế trí này hợp với vô minh làm chướng ngại Trung đạo cũng giống như vậy. Lại năng chướng hoặc này sở chướng là trung trí, năng sở hợp nói cho nên nói trí chướng. Vì sao quán hai trí này tức là vô minh! Nếu nói là minh thì chủng trí hiện tiền, hiểu thông suốt mười Lực vô úy, tất cả các pháp của các Đức Phật, hiểu đầy đủ có thể được gọi là minh, nhưng nay không như vậy, há chẳng phải vô minh. Quán vô minh này chia làm ba:

1) Quán vô minh. 2) Quán pháp tánh. 3) Quán nhân duyên.

Quán vô minh: Trí không giả tương ứng với tâm, quán hai trí này là từ pháp tánh sinh hay từ vô minh sinh, hay từ cả pháp tánh và vô minh hợp lại sinh, hay từ lìa sinh! Nếu từ pháp tánh thì pháp tánh vô sinh, nếu từ vô minh thì vô minh không thật, cũng không quan hệ đến Trung đạo, nếu hợp lại cùng sinh thì có hai lỗi. Nếu từ lìa mà sinh thì không có nhân duyên. Trung Luận chép: Các pháp không tự sinh v.v... Như vậy rộng phá như trên, nhân thành trung thuyết, khi thực hành quán này thì mất sự thanh tịnh, tâm không nương tựa, cũng không chấp trước, không hiểu không biết, năng quán sở quán cũng như hư không không thể nói bày. Tuy chưa phát chân đối với bốn câu quyết định không chấp, thí như người đứng trong chỗ tối trông nhìn xa gốc cây không chỗ dựa, không xem kỹ người hay là gốc cây ấy, nếu là người thì lẽ ra có sáu phần động, tướng gốc cây không có sáu phần là tướng bất động, tâm trụ trong quán lâu ngày nên cho rằng cây ấy cũng không rõ ràng. Khởi chấp bốn câu tức dụ cho tướng động, động dụ vô thường, tướng bất động dụ cho thường, quán lâu không ngừng định, biết là thường không khởi bốn chấp mà vô minh chưa phá còn không rõ ràng, tuy không rõ ràng mà nhất định biết một thường tất cả thường, đi trên con đường lớn thẳng mà không gặp nạn, trước hết thông suốt hoặc kiến, tư, trần sa lâu rồi. Chỉ có trí hai quán tức dụ cho kim cương quán phá trí chướng gọi là quán xuyên quán, an tâm trong lý này gọi là quán đạt, quán lý này bất khả tư nghị gọi là Đệ nhất nghĩa không. Đợi cảnh ngoạn không của Nhị thừa gọi là trí tuệ, nhưng pháp tánh này chẳng phải trí chẳng phải bất trí đó gọi là Trung quán đủ ba nghĩa. Lại nữa, thể đạt trí chướng quán đủ ba nghĩa. Lại nữa, thể đạt trí chướng vô minh, không có tánh tự tha và vô nhân tánh, rốt ráo không thật có, như Tỳ-kheo giữ giới quán nước không có trùng, trong động này là trùng hay trần? Trùng là tướng sinh, trần là tướng vô sinh, quán kỹ không thôi, tuy biết là trần cũng không rõ ràng. Nếu cho rằng vô minh có bốn tánh thì tánh là sinh động, nếu không có bốn tánh, vô tánh thì vô sinh động, tuy biết không động cũng không quyết định, tuy không quyết định mà quyết định quán thường trụ bất động, trước hết sinh tử, Niết-bàn hai bên lưu động. Hai quán trên đã dừng, chỉ có vô minh hồi chuyển không dứt, nay thấu đạt nguồn gốc của tâm, vô minh vắng lặng gọi là chỉ dừng chỉ, an tâm nơi lý này gọi là đình chỉ chỉ, lý thường trụ chẳng phải chỉ, chẳng phải bất chỉ, đối với vô thường động cho nên nói là chỉ, tức là chẳng phải chỉ chẳng phải bất chỉ, đó gọi là trung chỉ đủ ba nghĩa. Lại nữa, trí chướng trong tâm thì có

ba giả bốn câu Chỉ Quán, tin pháp hồi chuyển khéo tu bốn Tất-đàn, đều lệ theo như trước nói, bốn câu này tức là quán môn, nếu lia bốn câu này thì không có chỗ tu quán. Phương tiện khéo léo nhờ môn mà thông đạt, được thấy Trung đạo tức chẳng phải bốn quán, nếu đối với một quán mà được nhập thì các câu còn lại liền dung thông, không cần phải tu, nếu chưa thông nhập thì chỉ cần siêng tu bốn câu phương tiện chứng ngộ, nếu chấp bốn câu này tức là thiêu đốt ngăn che không thông suốt, nếu không chấp mắc tức là quán bốn câu vô minh được ngộ.

2. Y cứ pháp tánh phá vô minh: Bốn câu trên quán trí chướng câu vô minh sinh, quyết định không thể được, hoặc sinh một thứ giải, hoặc phát một định, quyết cho rằng vô minh tức là pháp tánh, chấp như đây chẳng phải tâm ngộ, chỉ phát sinh quán giải, như trong tối thấy bụi trên ghế quyết cho rằng bụi trên ghế, liền phải thay đổi quán, quán sát pháp tánh, cho là tâm vô minh diệt pháp tánh tâm sinh, hay là tâm vô minh bất diệt, tâm pháp tánh sinh, hay là vừa diệt vừa bất diệt tâm pháp tánh sinh, hay là phi diệt phi bất diệt, tâm pháp tánh sinh! Nếu vô minh diệt mà pháp tánh sinh, thì diệt thì làm sao có thể sinh, còn bất diệt mà sinh thì minh đồng với vô minh, nếu cùng sinh thì có hai lỗi, lia thì không thể, không tự, không tha, không cộng, không phải vô nhân. Bốn câu này trong mỗi câu tín pháp hồi chuyển bốn Tất-đàn khéo léo liền sẽ được ngộ, thông với ao bốn môn, tuy chưa được ngộ quyết định cho rằng Trung đạo quán trí này có khả năng phá được vô minh, thường học như thế không còn tu gì khác.

3. Y cứ chân duyên phá vô minh: Quán quán trí này đợi ai được gọi là trí hay chẳng phải trí, nếu đợi theo chiều ngang thì các Đức Phật mười phương là trí hay là minh, đợi ngã không có trí và minh. Nếu đợi theo chiều dọc thì ngã ở tương lai phá trừ sự tối tăm mà được sự sáng suốt, nay đợi là vô trí vô minh, như vậy trí minh gọi là duyên tu hay gọi chân tu. Chân duyên hợp tu, lia chân lia duyên, nếu duyên tu thì duyên ấy là vô thường, tại sao sinh thường? Nếu là chân tu thì chân lẽ ra không tu. Có hai nhà giải thích về điều này: Một nhà nói: Duyên tu hiển bày chân tu. Nhà thứ hai nói: Duyên tu biệt, chân tu tự hiển bày, chân tu tự hiển là tự sinh, do duyên tu hiển là tha sinh, chân duyên hợp là cộng sinh, lia chân duyên là vô nhân sinh. Bốn câu cầu trí không thật có cũng không được vô trí. Vì sao? Vì đối đãi với trí mà nói vô trí, trí vô cho nên vô, không có chỗ đối đãi nên vô trí cũng vô. Nếu chấp chân duyên là đúng thì không thể phát sinh trung, đều là chướng trí, nếu không chấp tức là bốn môn, nếu được khế lý thì lý chẳng phải chân

chẳng phải duyên, chẳng phải cộng, chẳng phải lia, không thể nêu bày. Nếu có cơ duyên cũng có thể nói bốn Tất-đàn, Tất-đàn phương tiện không còn định chấp, tùy duyên nói khác, nghe liền đắc đạo. Cái gọi là từ vô thường sinh ra thường. Đại kinh chép: Nhân là vô thường mà quả là thường. Lại chép: Từ cây y-lan sinh cây chiên-đàn. Hoặc có khi nói: Từ trong chủng tánh Pháp Vương sinh tức là chân tu. Hoặc nói: Nhân diệt vô minh thì được đèn Bồ-đề. Hoặc nói chẳng phải quán bên trong, chẳng phải quán bên ngoài mà đắc gọi là trí tuệ v.v... Đắc của vô đắc, vì đắc ấy là vô sở đắc, nhập ý không. Vô sở đắc tức là đắc, nhập ý giả, đắc vô sở đắc đều không thật có, song chiếu đắc, vô đắc, tức là ý không. Các vị Bồ-tát, v.v... hoặc chỉ nêu bày một môn, như ngài Thiên thân nói thức A-lại-da là thế đế, có chân như riêng, đây là cánh chủ của luận, thiền định giúp đạo đều là giúp thêm sự trang nghiêm. Như Trung luận nói rất ráo không, không là Luận chủ, ngoài ra các thứ khác cũng là trợ đạo, các môn khác cũng nên có Bồ-tát soạn luận nêu bày rõ ràng. Soạn luận dị thuyết đâu lia bốn môn, vì môn có khác mà sự khế hội không khác. Nếu hiểu được ý này thì đâu có trái ngược, tranh chấp khổ gây ra sự mâu thuẫn, nếu dùng bốn môn tu quán thì hoặc vui, hoặc thích nghi, hoặc đối, hoặc nhập, một môn đã vậy các môn khác cũng vậy. Quán hạnh tuy khác mà sự đắc đạo đâu có khác, kinh luận làm duyên khác nhau xưa nay cạnh tranh khó có chỗ thông suốt, dùng đây giải thích băng tan mây tiêu. Quán hạnh như thế khế hợp với giáo lý căn cơ, ẩn hợp đáng hợp có gì phải trái, người có mắt sáng suốt thì y nghĩa không y lời, người có trí thì không sinh nghi, người không mắt không hiểu biết thì luống nhọc thương xót đâu có lợi ích gì.

Hỏi: Vô minh tức pháp tánh, pháp tánh tức vô minh, vô minh phá thì pháp tánh phá phải không? Pháp tánh hiển thì vô minh hiển phải không? Đáp: Đúng. Lý thật không có tên, vì đối với vô minh mà gọi là pháp tánh, pháp tánh hiển thì vô minh chuyển thành minh, vô minh phá thì không có vô minh, đối với ai mà nói về pháp tánh ư?

Hỏi: Vô minh tức pháp tánh, vô còn vô minh thì cùng ai tương tức? Đáp: Đúng! Vì không biết băng nên người chỉ nước cho là băng, chỉ băng cho là nước, chỉ có tên gọi đâu lại có hai vật tương tức ư? Như một hạt ngọc để dưới mặt trăng thì sinh nước, để dưới mặt trời thì sinh lửa, không để dưới mặt trời mặt trăng thì không sinh nước, lửa, một vật chưa hợp hai, mà có hạt ngọc nước lửa.

4. Tu giai tu Trung quán: Hai chỉ trước là Trung đạo song già phương tiện, hai quán là song chiếu phương tiện, nhờ ngăn và chiếu này

mà được nhập Trung đạo, tự nhiên trôi lăn cả hai, tự nhiên soi chiếu cả hai, tu song lưu như thế gồm có ba chỗ: Nếu Biệt tiếp Thông: thì Thất địa nói về tu, Bát địa nói về chứng, Thập hồi hương của Biệt giáo nói về tu, Đẳng địa nói về chứng, tu chứng như đây cao xa với vợ, chúng sinh sơ tâm còn không được tu Càn tuệ làm sao có thể chứng Bát địa ư? Trung đạo quán này đối với phàm phu không có lợi ích. Lại nữa, sơ tâm còn chưa nhập Thập tín đến Hồi hương, nếu không hồi hương đâu được tu Trung, không tu thì không chứng, Trung đạo quán này đối với kẻ phàm phu vọng xa không lợi ích. Ở đây nói về phẩm đầu trong năm phẩm của Viên giáo, chỉ là phàm địa, tức có khả năng viên quán ba đế, tu trung không, ngôi tòa Như Lai, tu nhẫn vắng lặng, mặc áo Như Lai, tu định tuệ Phật, lấy sự trang nghiêm của Như Lai mà tự trang nghiêm, tu vô duyên từ, vào nhà Như Lai, bắt đầu từ phẩm đầu tiên nhập đến phẩm thứ năm tương tự pháp khởi, thấy biết trông ngóng, khởi thử nghiêm lửa, tức là tương tự vị nhân, nhập sáu căn thanh tịnh. Chẳng hạn như ngoại đạo không tu niệm xứ, không bao giờ có noãn phần, nhị quán cũng giống như vậy. Không tu Trung đạo thì tự giải không phát sinh, nay trong năm phẩm tu có thể sinh tự giải, chuyển nhập Sơ trụ thì phá vô minh, cho nên kinh Hoa Nghiêm giải thích Sơ trụ rằng: Vô nhiễm như hư không, Pháp thân vi diệu thanh tịnh vắng lặng ứng khắp tất cả, chánh sử và tập cùng lúc đều hết, không còn dư sót, ban đầu phát sinh lỗi Mâu-ni chính là nghĩa này. Bắt đầu từ sơ phẩm, cuối cùng đến Sơ trụ, một đời có thể tu, một đời có thể chứng, không đợi lên giai vị Thất địa, tu tập như thế, đâu rảnh vui mừng mới nhập song lưu, giáo trước sở dĩ cao hơn giai vị ấy là phương tiện mà nói, địa vị Viên giáo trở xuống là chân thật nói. Kinh Pháp Hoa chép: Việc này là phương tiện của ta, các Đức Phật cũng như vậy. Lại nữa, hàng Bồ-tát Tam tạng khi ngôi đạo tràng vẫn còn đầy đủ hoặc, cho nên không song lưu, địa vị song lưu chỉ có ở Phật mà thôi! Viên giáo có Biệt lai tiếp, địa vị song lưu ở Bát địa, Biệt giáo địa vị song lưu ở Sơ địa, cho nên dần dần trích dẫn, địa vị kia hơi thấp, ý chân thật càng hiển bày. Tuy nói Sơ trụ phá một phần vô minh là địa vị song lưu, đây là lời tóm lược, thí như giương buồm thì một ngày thuyền chạy được ba ngàn dặm, lược nói một ngày! Lại như thiền cò chín phẩm, đây cũng là đại lược thôi! Như Đức Phật chứng đắc Tứ thiên ngại Thân Tử không biết, Thân Tử nhập Tứ thiên ngại Mục-liên không biết, Mục-liên nhập Tứ thiên các tỳ-kheo không biết, như đây đã trải qua sự suy tìm về thiền không chỉ có chín phẩm, sơ trụ cũng như vậy. Nói một phẩm cũng là vô lượng phẩm, địa vị này có thể trùm

khấp pháp giới, làm Phật sự không thể hạn lượng như trong kinh Thủ-lăng-nghiêm, kinh Hoa Nghiêm nói rộng, còn chỉ bày tám tướng, hướng chỉ các việc khác ư? v.v... Hai quán trước, ở sau đã tổng kết thành phá pháp biến, như trên nói, nay Trung đạo chánh quán quán pháp tánh vô minh, không nương hai bên, không nương bốn câu rốt ráo thanh tịnh, không nương không chấp. Cho nên kinh Tịnh Danh chép: Cúi đầu như hư không không chỗ nương, trí này khai mở, một phá tất cả phá, không chỗ nào không trùm khắp, cho nên gọi là phá pháp biến.

2. Y cứ vào các môn khác nói về phá pháp biến: Ở trên y cứ vào pháp môn vô sinh, tu ba quán theo chiều ngang chiều suốt ba để phá pháp biến, vô lượng các môn hướng về vô sinh môn, các môn là ngang thí như trọng môn thẳng tắt, đây gọi là dọc, ngang bằng quanh co cho nên gọi là ngang, hoặc ngang hoặc dọc đều được thấy vua, cho nên y cứ vào ngang mà nói về quán, luận phá pháp biến. Môn ngang ấy như tám bất của Trung Luận: Bất sinh, bất diệt, bất thường, bất đoạn, bất nhất, bất dị, bất lai, bất khứ. Một luận nói về tám môn. Các kinh luận thì vô lượng, hoặc bất hữu bất vô, bất cấu bất tịnh, bất trú bất trước, bất thọ bất thủ, bất hư bất thật, bất phược bất thoát, các giáo hạnh môn như thế v.v... số ấy vô lượng, thấy đều năng thông suốt cho nên gọi là Môn. Trung luận chép: Nếu quán sâu bất thường bất đoạn thì nghĩa vô sinh vô diệt. Vì sao? Vì bất sinh tức bất dị, bất diệt tức bất nhất, sinh mà gọi tập thành tức là nghĩa khác, diệt mà gọi tán hoại tức là nghĩa một. Bất sinh tức bất thường, bất diệt tức bất đoạn, bất sinh tức bất lai, bất diệt tức bất khứ, bất sinh tức bất cấu, bất diệt tức bất tịnh, bất sinh tức bất tăng, bất diệt tức bất giảm, bất sinh tức bất phược, bất diệt tức bất thoát, bất sinh tức bất hữu, bất diệt tức bất vô, vì vậy cho nên quán sâu bất sinh bất diệt tức là nghĩa các môn. Nếu vô sinh môn quán ấm giới nhập, thứ lớp, không thứ lớp cho đến ba chương bốn ma, các môn khác cũng như vậy. Nếu vô sinh môn quán tâm như người thợ vẽ, vẽ các thứ năm ấm, trong tất cả thế gian đều từ tâm tạo. Một ấm giới nhập, tất cả ấm giới nhập, một tánh tướng thể lực tất cả tánh tướng thể lực v.v... các môn khác cũng như vậy. Nếu vô sinh môn phát tâm Bồ-đề chân chánh, khởi bốn thệ nguyện rộng lớn, các môn khác cũng giống như vậy. Nếu vô sinh môn an tâm Chỉ Quán, tự hành hóa tha, tin pháp hồi chuyển, khéo léo Tất-đàn, các môn khác cũng như vậy. Nếu vô sinh hiểu biết hữu vô, phá đơn phức cụ túc, vô ngôn nói kiến. Mỗi môn đều có ba giả bốn quán, như vậy không tự không tha, không cộng, không phải vô nhân, các môn khác cũng vậy. Nếu vô sinh môn phá kiến bảy mươi hai

ngàn ba trăm tám mươi tư (72384) Chỉ Quán, các môn khác cũng như vậy. Nếu vô sinh môn quán trí chướng, tự sinh phi tự sinh, cho nên nói tự sinh không, tự sinh không chẳng phải tự không cho nên nói tự sinh giả, tự giả phi giả, tự không phi không, cho nên nói tự sinh trung, tự sinh trung chẳng những trung mà còn song chiếu không giả, cho nên nói ba quán một tâm, các môn khác cũng như vậy. Nếu vô sinh môn quán trí chướng, tha sinh chẳng phải tha sinh, cộng sinh chẳng phải cộng sinh, vô nhân sinh chẳng phải vô nhân sinh, cho đến ba quán một tâm các môn khác cũng như vậy. Nếu vô sinh môn quán trí chướng tự diệt phi tự diệt, cho nên nói tự diệt không, tự không phi tự không cho nên nói tự diệt giả, tự giả phi giả, tự không phi không, cho nên nói tự diệt trung, tự diệt chung chẳng những Trung mà còn song chiếu không giả, cho nên nói tự diệt, ba quán một tâm các môn khác cũng như vậy, nếu vô sinh môn quán trí chướng, tha diệt chẳng phải tha diệt, cộng diệt chẳng phải cộng diệt, vô nhân diệt chẳng phải vô nhân diệt, cho đến ba quán một tâm, các môn khác cũng như vậy. Nếu vô sinh môn tự đãi chẳng phải tự đãi, cho nên nói tự đãi không, tự không chẳng phải tự không, cho nên nói tự đãi giả, tự không chẳng phải không, tự giả chẳng phải giả, cho nên nói tự đãi trung, tự trung chẳng những Trung mà còn song chiếu hai đế, cho nên nói ba quán một tâm, các môn khác cũng như vậy. Nếu vô sinh môn, tha đãi chẳng phải tha đãi, cộng đãi chẳng phải cộng đãi, vô nhân đãi chẳng phải vô nhân đãi, cho đến ba quán một tâm, các môn khác cũng giống như vậy. Nếu vô sinh môn ba quán kết thành phá pháp biến các môn khác cũng vậy. Nếu vô sinh môn, các pháp độ như trên nhập vào các môn khác, dọc ngang không ngăn ngại, như dao kim cương không gì làm chướng ngại được, nếu hiểu được ý này thì giải thích chung kinh luận, tùy nghĩa hồi chuyển, văn nghĩa thỏa đáng, không chỗ nào không hợp. Vì sao? Nếu dùng nghĩa này giải thích Kinh Vô Hành tức chuyển ý vô sinh, nhập vô hành môn. Có chỗ nói đế vô hành, trí vô hành, Bồ-đề tâm vô hành, an tâm nơi chỉ quán vô hành, phá kiến tư hoặc vô tri vô minh, v.v... vô hành, sinh tử Niết-bàn trung gian v.v... đều vô hành. Vô hành hạnh, vô hành vị, vô hành giáo, tất cả vô hành ấy đều nhập vào vô hành môn mà nói, rất ráo đầy đủ. Nếu giải thích kinh Kim cương Bát-nhã tức là chuyển ý vô sinh độ nhập vào môn bất trụ, các thứ bất trụ, bất trụ sắc bố thí, bất trụ thanh hương vị xúc bố thí, bất trụ cảnh trí bố thí, bất trụ từ bi bố thí, bất trụ trong kiến tư hoặc bố thí, bất trụ trong vô tri vô minh bố thí, đó gọi là Đàn ba-la-mật. Bất trụ trong sắc giữ giới cho đến bất trụ trong sắc Bát-nhã Sơ địa bất ưng



trụ cho đến Thập địa bất ưng trụ, tuy các pháp bất trụ vì vô trụ pháp trụ trong Bát-nhã tức là nhập Không, do vô trụ pháp trụ thế đế tức là nhập Giả, do vô trụ pháp trụ thật tướng tức là nhập Trung. Tuệ vô trụ này tức là Kim cương Tam-muội năng phá cát đá sạn sỏi, thấu đến nguồn gốc bờ mé. Cho nên Kinh Nhân Vương ba chỗ nói về Tam-muội Kim cương, Thất địa, Sơ địa, Sơ trụ tức là Kim cương Vô trụ giải thích nghĩa giai vị Tam giáo. Lại nói rằng Đức Thích-ca Mâu-ni nhập đại tịch định Kim cương Tam-muội, nếu vậy lẽ thường không nên nói đường không ngăn ngại có Kim cương đoạn đạo hay vô Kim cương. Kinh dạy Phật có đâu chẳng phải đoạn đạo có ư? Luận của thiên thân, Vô Trước khéo giải thích rộng đâu vượt ngoài ý vô sinh vô trụ ư? Lược nêu hai kinh, chỉ bày đầu mối của việc khó độ! Nếu hiểu được ý này thì ngàn kinh muôn luận đều thông suốt không ngăn ngại, đây là chương đầu của việc học quán, căn bản của sự nghĩ nghĩ, trí tuệ vi diệu của sự giải thích khác, chỉ quy để nhập đạo, xướng rộng lớn, sự lý đầy đủ, giải thích một ngàn từ pháp môn tự tại v.v...

Hỏi: Pháp môn vô sinh nêu rõ tất cả Phật pháp, đâu cần dùng các môn khác ư? Đáp: Pháp tướng như thế, hai nghĩa nương vào nhau, người người khác nhau, mỗi mỗi tự hành, phải cần các môn khác. Như trong Kinh Tịnh Danh nói ba mươi hai vị Bồ-tát mỗi vị nói xong đều nhập pháp môn không hai, nếu nói sinh diệt và sinh tử là hai, bất sinh bất diệt thì không hai, đó là không môn, đâu có quan hệ gì đến Trung đạo. Nay giải thích sinh là sinh tử, diệt là Niết-bàn đó gọi là hai, đều ngăn hai bên, được nhập Trung đạo, đó là nhập pháp môn không hai, Bồ-tát này tự nói môn của mình, không nói môn khác. Kinh Hoa Nghiêm chép: Ta chỉ biết một pháp môn, tức mỗi vị đều nói nhập môn, môn thì vô lượng, lại tha duyên khác nhau độ hóa chẳng phải một. Trước một phen nghe người nói vô sinh vô diệt được ngộ, còn ngoài ra chẳng thích hợp, cho nên không ích lợi, kể Bồ-tát lại nói bất câu bất tịnh, nhập pháp môn không hai sẽ thích hợp với người kia, nghe mà được ngộ, cho nên pháp môn theo chiều ngang thì vô lượng, tám ngàn vị Bồ-tát mỗi vị đều nói, vì sao khó nói, một môn đầy đủ ư? Lại nữa, người tu hành nương pháp môn vô sinh, tu bốn Tam-muội, hoặc có khi hoan hỷ đảnh lễ thọ nhận, hoặc tin nên tâm lành sinh, hoặc ác giác nên chấp phá, hoặc mơ màng sắp ngộ, nếu thế thì vô sinh môn này là đạo môn kia, nếu không như vậy thì chẳng phải pháp môn. Phải lại từ vô diệt môn mà nhập, sinh hỷ, phát thiện, chấp phá, gần đạo, nên biết vô diệt là đạo môn kia, không như vậy thì kia chẳng phải môn. Rộng trải qua các môn như vậy mỗi

môn thử nghiệm sẽ có tương ứng, lưới giăng đã rộng tự bắt được các loài chim, vì nghĩa đó cho nên sẽ đem ngang y cứ vào dọc để hiển bày môn thông suốt.

3. Ngang dọc một tâm nói về Chỉ Quán: Như trên nói ngang dọc, sâu rộng phá tất cả tà chấp, trình bày tất cả kinh luận, tu tất cả quán hạnh, phù hợp tất cả căn duyên, xoay chuyển vô cùng, ngôn ngữ rắc rối khó thấy, ở đây sẽ kết thúc nêu ra ý chính. Nếu vô sinh môn ngàn muôn lớp chồng chất lên nhau, chỉ do vô minh một niệm nhân duyên sinh các pháp, tức không tức giả tức trung bất tư nghì ba đế, một tâm ba quán, nhất thiết chủng trí, các pháp như Phật nhãn v.v... Vô sinh môn đã vậy, các môn khác rộng lớn cũng giống như vậy, tuy có nhiều thuyết cũng chỉ một tâm ba quán, cho nên không ngang không dọc, chỉ một tâm tu Chỉ Quán, lại chia làm hai: 1) Nói chung một tâm. 2) Trải qua một tâm khác. Chung: Chỉ y cứ vào một niệm tâm vô minh, tâm này có đủ ba đế, thể đạt nhất quán, quán này có đủ ba quán. Nếu không hiểu được các thuyết ngang dọc từ trước đến nay, như cảnh trí này thì do đâu mà có thể hiểu, trước nói một niệm vô minh hợp với pháp tánh thì có tất cả trăm ngàn việc mộng, một ấm giới nhập tất cả âm giới nhập, vô lượng các kiến chấp đơn, phức, cụ túc, vô ngôn v.v... ba giới chín địa, tất cả các tư hoặc, mười sáu môn phá v.v... các pháp. Trước đã thứ lớp ngang dọc xong rồi, giờ nghe một tâm nhân duyên sinh pháp, tức xa vượt trước sau tất cả thứ lớp nhân duyên sinh pháp, biết sâu rộng bất khả tư nghì nhân duyên sinh pháp. Trước nói các pháp đều là ba quán một câu, mỗi câu tìm thật không thể được, các kiến đơn, phức đều không, các tư hoặc chín địa đều không, mười sáu môn đều không, vì trước đã nghe, nay nghe nhất tâm tức là không, xa vượt trước sau thứ lớp các không, biết sâu xa tất cả tư nghì rốt ráo diệu không. Từ trước đến đây nói về các giả, lại phân biệt đảo nhập, phân biệt các pháp như thuốc, bệnh, cho thuốc..., trước đã nghe, nay nghe nhất tâm tức giả, xa vượt trước sau thứ lớp giả, biết sâu xa song chiếu hai đế giả. Nay nghe phi không phi giả, xa vượt trước sau các không đều chẳng phải không, các giả đều chẳng phải giả, lại trước sau phân biệt tất cả phi hữu phi vô, trong đơn kiến phi hữu phi vô, trong phức kiến phi hữu phi vô, trong cụ túc phi hữu phi vô, trong tam tạng phi hữu phi vô, thông môn phi hữu phi vô, biệt môn phi hữu phi vô. Trước đã nghe nay nghi phi hữu phi vô xa vượt trước sau các phi hữu phi vô, biết sâu Trung đạo bất khả tư nghì phi hữu phi vô, người hiểu được trong ba đế một tâm như thế, người này khó được. Vì sao? Vì y cứ tâm luận về vô minh, lại y vào tâm nói về pháp do nhân duyên

sinh, cho nên có các pháp trước sau, căn cứ tâm tức không, cho nên có trước sau các không; lại y cứ vào tâm nói về giả cho nên có trước sau xuất giả v.v... cũng y cứ vào tâm nói về pháp giới cho nên có Trung đạo phi không phi giả, ba đế đầy đủ chỉ ở một tâm phân biệt tướng mạo, như thứ lớp mà nói. Nếu luận về đạo lý chỉ ở một tâm, tức không tức giả tức trung, như một sát-na mà có ba tướng, ba tướng khác nhau sinh trụ dị diệt, một tâm ba quán cũng giống như vậy. Sinh dụ cho giả hữu, diệt dụ cho không vô, trụ dụ cho phi không phi hữu, ba đế khác nhau mà chỉ một niệm, như sinh trụ dị diệt chỉ một sát-na, ba quán ba trí ba chỉ ba nhãn, lệ theo thì có thể biết, quán như vậy thì chúng sinh này khai tri kiến Phật. Nói chúng sinh là tâm tham, nhuế, si đều chấp có ngã, ngã tức chúng sinh, ngã do tâm khởi, tâm khởi ba độc tức gọi chúng sinh, khi tâm ấy khởi, tức không tức giả tức trung tùy tâm khởi niệm, Chỉ Quán đầy đủ. Quán gọi là Phật tri, chỉ gọi là Phật kiến, trong mỗi niệm Chỉ Quán hiện tiền tức là chúng sinh khai tri kiến Phật. Quán này thành tựu gọi là phẩm sơ tùy hỷ, đọc tụng trợ giúp cho quán này càng sáng, thành phẩm thứ hai, đúng như sự thực hành mà nói, giúp tâm càng sáng thành phẩm thứ ba, thực hành cả sáu Độ, công đức càng sâu thành phẩm thứ tư, thực hành đủ sáu Độ, sự lý không giảm thành phẩm thứ năm, phẩm thứ năm chuyển nhập sáu căn thanh tịnh gọi là tướng tự vị. Cho nên kinh Pháp Hoa chép: Tuy chưa được vô lậu mà ý căn kia thanh tịnh như vậy. Từ tướng tự vị tiến vào đồng luân, phá vô minh, đắc vô sinh nhẫn, bốn mươi hai địa, cho nên kinh Pháp Hoa chép: Đắc quả báo vô lậu thanh tịnh như vậy cũng là an trụ quả báo tam hiền thập Thánh, chỉ có Phật là ở tịnh độ, dùng Hiền Thánh lệ cho Phật, chỉ có quả Diệu giác là quả báo. Đại kinh chép: Đắc vô thượng báo, vì có hiện báo nên gọi là vô thượng báo, vô sinh hậu cho nên nói Phật vô báo. Đại kinh cũng chép: Hạt quả, quả hạt do hiện báo cho nên ngay nơi hạt là quả, vô hậu báo cho nên không gọi là quả hạt, v.v... lại Kim Quang Minh gọi là ứng thân cảnh trí tương ứng, y cứ vào cảnh làm Pháp thân, y cứ vào trí làm báo thân, khởi dụng làm ứng thân, do đắc Pháp thân nên thường hằng bất biến, Pháp thân thanh tịnh, rộng lớn như pháp giới, rốt ráo như hư không, cùng tận vị lai. Luận Thật Tánh chép: Thường tức là bất sinh, hằng tức là bất lão, thanh tịnh tức là bất bệnh, bất biến tức là bất tử, Pháp thân là đức tịnh, rộng lớn như pháp giới là đức ngã, rốt ráo như hư không là đức lạc, cùng tận vị lai là đức thường, cho nên biết Pháp thân Sơ trụ đầy đủ thường lạc ngã tịnh, không sinh già chết như thế. 2) Trải qua một tâm ba quán khác: Nếu gồm chung tâm vô minh chưa hẳn

là đúng, lại trải qua các tâm khác, hoặc dục tâm sân tâm mạn tâm, các tâm này khởi tức không tức giả tức trung, lại như trong tổng đã nói, v.v... Những điều từ trên đến đây nói Chỉ Quán thức ấm mà nói như vậy, bốn ấm khác cũng giống như vậy, mười hai nhập, mười tám giới cũng như vậy, đó gọi là quán cảnh ấm giới nhập pháp pháp biến đã xong.

Hỏi: Nhập giả trung có nhân duyên, nhập không có ý nghĩa gì? Nhập không dùng bốn môn liệu giản, giả trung vì sao không có? Đáp: Nhập không cũng có, vì tóm lược cho nên không nói. Vì sao? Vì cho rằng giải thoát cho nên giải thoát người khác, vì tuệ mạng cho nên gọi là vô lậu pháp vị. Xét rằng sinh tử buộc chấp, làm nhọc tinh thần của ta, chẳng phải không không giải, tự bị sự ràng buộc làm sao mở giải cho người khác? Không bao giờ có việc đó, vì muốn giải thoát cho người khác nên phải nhập không. Hiền thành dùng tuệ làm mạng, tuệ mạng chẳng phải không không lập, lại pháp vị chẳng phải tuệ thì không nhập, không tuệ có công năng mau nhập pháp vị, nhân duyên nhập không rất nhiều, chẳng hạn như sau cho nên nói năm đó thôi! Không quán chung cho đại tiểu thiên viên, muốn phân biệt không lầm lẫn thì phải bốn môn liệu giản, giả trung chẳng xen lẫn tiểu, cho nên không dùng. Hai thứ Không, quán phân tích không chuyên ở Tiểu thừa, thể không tiểu đại đồng, liệu giản ở đây phân biệt với thể không, tuy đồng dụng thể nhưng việc làm thì khác, cho nên phải liệu giản, biệt viên năng thông tuy mỗi thứ đều có bốn môn nhưng chỗ thông thì đồng, cho nên liệu giản thành quen. Trí chướng: Giải thích khác nhau, nay rút ra trong Đạt-ma Uất-đa-la giải thích, phiền não là tâm mê hoặc cho nên phiền não là chướng, trí là sáng, giải thích vì sao nói trí là chướng, trí có hai thứ: Chứng trí và thứ trí, thức trí phân biệt thể đạt tướng thuận, vì thuận thuận cho nên gọi là Trí, là chướng. Lại Đức Phật đối với hai chướng ấy mà được giải thoát, kinh Niết-bàn chép: Nhờ dứt ái cho nên tâm được giải thoát, nhờ dứt vô minh cho nên được trí giải thoát, trong kinh Địa Trì nói ái đứng đầu phiền não, cho nên tâm giải thoát đối trị phiền não chướng. Xa lìa tất cả vô minh ô uế, đối với tất cả sở tri biết không bị chướng ngại gọi là trí tịnh, trí tịnh tức tuệ giải thoát, nếu dùng trí sở tri làm chướng ngại thì gọi là trí chướng, vì vô minh nên đối với trí có chướng ngại, chính do vô minh là thể của trí chướng. Luận Nhập Đại Thừa chép: Xuất thế gian vô minh là trí chướng. Thế gian vô minh hiền Thánh đã xa lìa, tức là trước dứt phiền não chướng, hai chướng đều là phiền não, vì sao lấy vô minh làm trí chướng! Vô minh là hoặc tức trí, lấy trí làm thể ngay nơi trí nói chướng, chẳng hạn như vô vi sinh tử là ngay nơi vô vi mà nói sinh

tử, lấy vô vi làm tên. Ái tức là bốn trụ địa, cũng có công năng chướng trí nhưng là hoặc khác với tâm, giải hoặc không cùng thể là phiền não, cho nên đương thể mà đặt tên gọi là phiền não chướng. Lại nữa, ái có khả năng khiến cho các Hữu nối nhau, có công năng khiến tâm phiền muộn và tâm não loạn, tuy vô minh che lấp nhưng sinh do nước ái nên công lực vởi sinh rất mạnh, cho nên gọi ái là phiền não chướng, vô minh không rõ chính, trái với giải thoát, tánh ái tuy trái ngược nhưng lấy vô minh làm gốc, tánh vô minh quên thì nghĩa chướng trí hiển bày, cho nên từ sở chướng gọi là trí chướng. Vô minh có hai: 1) Mê lý. 2) Mê sự. Vì sao gọi là trí chướng? Kinh Địa Trì chép: Hàng Nhị thừa vô lậu, nhân vô ngã trí là phiền não chướng tịnh rí, pháp Phật, Bồ-tát vô ngã trí là trí tịnh chướng tịnh trí. Nếu vậy thì cả hai đều mê lý là trí chướng. Lại trí sở tri ngăn ngại gọi là trí chướng, đối với tất cả pháp đều hiểu biết không chướng ngại, tức là đối với sự thì biết vô chướng ngại. Chỉ do mê sự gọi là trí chướng. Nếu vậy vì sao gọi là định? Trí chiếu sự chiếu lý, trí tuy có hai nhưng cả hai không có tự thể riêng, tuy nói có hai mà thật không hai. Lại tâm trí là chướng, rốt ráo suy tìm phân biệt trí ngăn ngại, đối với như thật không được chứng trí, đây cũng tức là trí chướng. Do diệt tướng diệt tâm cho nên có nghĩa đoạn trí, nếu xả bỏ sự phân biệt thì hướng đến trí chướng thanh tịnh. Lại chẳng phải là điều kiện tự nhiên cho nên trí cũng không dứt, cho nên kinh có nói không mất phước, Bách luận dẫn lời Phật dạy đối với phước chẳng sợ, giúp đạo nên hành, người soạn luận một bề bèn có hai đường đoạn, không đoạn, chấp vô mâu thuẫn, chớ sinh thiên chấp cạnh tranh.

Hỏi: Kinh Anh Lạc chép: Pháp quán thứ ba Sơ địa hiện tiền, nay vì sao có chỗ nói ở Bát địa hoặc nói ở Sơ trụ? Đáp: Nương nghĩa tương thành hoặc nhờ cao mà thành thấp. Hoặc nói Bát địa, hoặc nhờ thấp mà thành có cao, cho nên nói Sơ trụ. Kinh Anh lạc nói về Biệt giáo cho nên nói Sơ địa.

Hỏi: Giả quán, Trung quán nói về giai vị tu của ba căn, sơ quán không thấy phân biệt giai vị tu hành? Đáp: Hậu quán đều nhập giai vị mới tu giả trung, cho nên y cứ vào giai vị sắp xếp ba căn sâu cạn. Sơ quán ban đầu đối với phạm địa không có giai vị để xếp vào sâu cạn, lại kinh Anh lạc cũng có văn nói rằng: Tứ địa gọi là Tu-đà-hoàn, đây lẽ ra là hạ căn, lại Tam địa nói là Tu-đà-hoàn, đây lẽ ra là trung căn, hoặc Sơ địa nói là Tu-đà-hoàn đây nói là thượng căn.